

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và
chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở trên địa bàn tỉnh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHOÁ XIV, KỲ HỌP THỨ CHÍN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước; Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 27/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở;

Xét đề nghị của UBND tỉnh tại Tờ trình số 242/TTr-UBND ngày 12/7/2019; Báo cáo thẩm tra số 615/BC-PC ngày 12/7/2019 của Ban Pháp chế HĐND tỉnh và thảo luận tại kỳ họp;

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Quy định mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở trên địa bàn tỉnh:

1. Đối với công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở mang tính thường xuyên trên địa bàn tỉnh, mức chi thực hiện theo quy định về chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu hiện hành của Trung ương và của tỉnh, như sau:

a) Chi công tác phí cho những người đi công tác, bao gồm cả báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật, người được mời tham gia phổ biến, giáo dục pháp luật, cộng tác viên, chuyên gia tham gia đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật; Chi tổ chức các cuộc họp, hội nghị chuyên đề, hội nghị tổng kết, sơ kết, triển khai công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật, các Chương trình, Đề án, Kế hoạch thực hiện theo Nghị quyết số 60/2017/NQ-

HĐND ngày 10/12/2017 của HĐND tỉnh quy định mức chi công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Sơn La.

b) Chi biên dịch các tài liệu phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật (*bao gồm cả tiếng dân tộc được hiểu là ngôn ngữ không phổ thông*) thực hiện theo quy định tại điểm 1.7.1, khoản 1.7, mục 1 Phụ lục số 01 kèm theo Nghị quyết số 99/2019/NQ-HĐND ngày 12/6/2019 của HĐND tỉnh quy định mức chi tiếp khách nước ngoài, tổ chức hội nghị quốc tế và tiếp khách trên địa bàn tỉnh.

c) Chi rà soát, hệ thống hóa các văn bản, tài liệu phục vụ công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật, triển khai các nhiệm vụ của chương trình, đề án, kiến nghị hoàn thiện pháp luật về phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật, cải cách thủ tục hành chính, thực hiện theo nghị quyết của HĐND tỉnh quy định mức chi có tính chất đặc thù bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Sơn La.

d) Các nội dung chi khác phục vụ cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở, mức chi thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Điều 5 Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 27/01/2014.

2. Quy định mức chi một số khoản chi có tính chất đặc thù thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở trên địa bàn tỉnh (*có Phụ lục chi tiết kèm theo*).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết.

2. Thường trực HĐND tỉnh, các Ban của HĐND tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện nghị quyết.

3. Trường hợp các văn bản được áp dụng trong nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2019;

2. Nghị quyết thay thế Nghị quyết 84/2014/NQ-HĐND ngày 16/7/2014 của HĐND tỉnh quy định mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Nghị quyết này được HĐND tỉnh Sơn La khoá XIV, kỳ họp thứ chín thông qua ngày 16 tháng 7 năm 2019./.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội; Chính phủ;
- Văn phòng Chủ tịch nước, VPQH, VPCP;
- UB Tài chính - Ngân sách của Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu của UBTWQH;
- Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra Văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Vụ pháp chế - Bộ Tài chính;
- Đoàn ĐBQH tỉnh khóa XII;
- Đại biểu HĐND tỉnh khoá XII;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể;
- VP: Tỉnh ủy, ĐĐBQH, HĐND, UBND tỉnh;
- TT huyện ủy, Thành ủy, HĐND; UBND huyện, thành phố;
- TT Đảng ủy, HĐND, UBND xã, phường, thị trấn;
- Các Trung tâm: Thông tin tỉnh; Lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Lưu: VT, PC (V.Công 450b).

CHỦ TỊCH



Hoàng Văn Chất
Hoàng Văn Chất

PHỤ LỤC

MỘT SỐ KHOẢN CHI CÓ TÍNH CHẤT ĐẶC THÙ THỰC HIỆN CÔNG TÁC PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT, CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT CỦA NGƯỜI DÂN TẠI CƠ SỞ

(Kèm theo Nghị quyết số 100/2019/NQ-HĐND ngày 16/7/2019 của HĐND tỉnh Sơn La)

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (Đồng)		
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
I	Xây dựng Chương trình, Đề án, Kế hoạch; các văn bản quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn Chương trình, Đề án, Kế hoạch				
1	Xây dựng đề cương				
1.1	Xây dựng đề cương chi tiết	Đề cương	1,200,000	1,050,000	900,000
1.2	Tổng hợp hoàn chỉnh đề cương tổng quát	Đề cương	2,000,000	1,800,000	1,500,000
2	Soạn thảo Chương trình, Đề án, Kế hoạch				
2.1	Soạn thảo Chương trình, Đề án, Kế hoạch	Chương trình, Đề án, Kế hoạch	3,000,000	2,400,000	1,800,000
2.2	Soạn thảo báo cáo tiếp thu, tổng hợp ý kiến	Báo cáo	500,000	400,000	300,000
3	Tổ chức họp, tọa đàm góp ý				
3.1	Chủ trì	Người/buổi	150,000	90,000	70,000
3.2	Thành viên dự	Người/buổi	100,000	60,000	50,000
4	Ý kiến tư vấn chuyên gia	Văn bản	500,000	400,000	300,000
5	Xét duyệt Chương trình, Đề án, Kế hoạch				
5.1	Chủ tịch hội đồng	Người/buổi			200,000
5.2	Thành viên hội đồng, thư ký	Người/buổi			150,000
5.3	Đại biểu được mời tham dự	Người/buổi			100,000
5.4	Nhận xét, phản biện của Hội đồng	Bài viết	300,000	240,000	200,000
5.5	Bài nhận xét của ủy viên Hội đồng	Bài viết	200,000	180,000	150,000

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (Đồng)		
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
6	Lấy ý kiến thẩm định: Trường hợp không thành lập hội đồng xét duyệt Chương trình, Đề án, Kế hoạch	Bài viết	500,000	400,000	300,000
7	Xây dựng các văn bản quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn Chương trình, Đề án, Kế hoạch	Văn bản	500,000	400,000	300,000
II	Chi thù lao báo cáo viên, tuyên truyền viên, người được mời tham gia công tác phổ biến giáo dục pháp luật; thù lao cộng tác viên, chuyên gia tham gia các hoạt động đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật				
1	Thù lao báo cáo viên cấp Trung ương, cấp tỉnh		Mức chi thực hiện theo quy định tại mục 1.1 đến mục 1.4, phần II - Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 88/2018/NQ-HĐND ngày 08/12/2018 của HĐND tỉnh Sơn La quy định một số mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức trên địa bàn tỉnh.		
2	Thù lao báo cáo viên cấp huyện, tuyên truyền viên, cộng tác viên thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật, tư vấn và tham gia các đợt phổ biến pháp luật lưu động, hướng dẫn sinh hoạt chuyên đề câu lạc bộ pháp luật, nhóm nông cốt.	Người/buổi	Mức chi thực hiện theo quy định tại mục 1.5, phần II - Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 88/2018/NQ-HĐND ngày 08/12/2018 của HĐND tỉnh Sơn La quy định một số mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức trên địa bàn tỉnh.		
3	Thù lao cho người được mời tham gia công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; thù lao cộng tác viên, chuyên gia tham gia các hoạt động đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật.	Người/buổi	Tùy theo trình độ, áp dụng mức chi quy định tại Khoản 1, Khoản 2 của Mục này		
4	Thù lao báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật, người được mời tham gia phổ biến, giáo dục pháp luật, cán bộ thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho các đối tượng đặc thù	Người/buổi	Được hưởng thêm 20% so với mức thù lao quy định tại Khoản 1, Khoản 2 của Mục này		
III	Biên soạn một số tài liệu phổ biến, giáo dục pháp luật đặc thù				

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (Đồng)		
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
1	Tờ gấp pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định)	Tờ gấp đã hoàn thành	1,000,000	800,000	600,000
2	Tình huống giải đáp pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định)	Tình huống đã hoàn thành	300,000	240,000	150,000
3	Câu chuyện pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định)	Câu chuyện đã hoàn thành	1,500,000	1,200,000	900,000
4	Tiểu phẩm pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định, lấy ý kiến chuyên gia)	Tiểu phẩm đã hoàn thành	5,000,000	4,000,000	3,000,000
IV	Chi xây dựng và duy trì sinh hoạt Câu lạc bộ pháp luật, nhóm nông cốt				
1	Chi hỗ trợ tiền ăn, nước uống cho thành viên tham gia hội nghị ra mắt Câu lạc bộ pháp luật: Không quá 1 ngày	Người/ngày			30,000
2	Chi tiền nước uống cho người dự sinh hoạt Câu lạc bộ pháp luật, nhóm nông cốt	Người/buổi			10,000
V	Chi phiên dịch tiếng dân tộc thiểu số, thuê người dẫn đường: <i>Chi áp dụng đối với hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật lưu động, sinh hoạt chuyên đề pháp luật, sinh hoạt Câu lạc bộ pháp luật, nhóm nông cốt tại vùng núi cao, vùng sâu, vùng xa cần có người địa phương dẫn đường và người phiên dịch cho cán bộ thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.</i>				
1	Chi phiên dịch tiếng dân tộc thiểu số kiêm người dẫn đường (đối với trường hợp phải thuê ngoài)	Người/ngày	250% mức lương cơ sở, tính theo lương ngày do Nhà nước quy định cho khu vực quản lý hành chính		
2	Chi thuê người dẫn đường (không phải phiên dịch)	Người/ngày	150% mức lương cơ sở tính theo lương ngày do Nhà nước quy định cho khu vực quản lý hành chính		
VI	Chi tổ chức cuộc thi, hội thi				
1	Chi biên soạn đề thi, đáp án, bồi dưỡng Ban Giám khảo, Ban tổ chức và một số nội dung chi khác				

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (Đồng)		
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
1.1	Chi biên soạn đề thi, đáp án (bao gồm cả đề thi, đáp án, biểu điểm)	Người/ngày	500,000		
1.2	Chi bồi dưỡng Ban giám khảo, Ban tổ chức				
a	Trưởng ban	Người/ngày	300,000		
b	Phó ban	Người/ngày	260,000		
c	Thành viên, thư ký	Người/ngày	210,000		
d	Bảo vệ	Người/ngày	115,000		
đ	Nhân viên y tế, phục vụ	Người/ngày	50,000		
2	Chi tổ chức cuộc thi sân khấu, thi trên Internet, có thêm mức chi đặc thù sau:				
2.1	Thuê dẫn chương trình	Người/ngày	2,000,000	1,600,000	1,200,000
2.2	Thuê hội trường và thiết bị phục vụ cuộc thi sân khấu	Ngày	10,000,000	8,000,000	6,000,000
2.3	Thuê văn nghệ, diễn viên	Người/ngày	300,000	240,000	180,000
2.4	Thu thập thông tin, tư liệu, lập hệ cơ sở dữ liệu tin học hóa (đối với thi qua mạng điện tử)		Mức chi thực hiện theo quy định tại khoản 1 đến khoản 6, Điều 4 Thông tư số 194/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn mức chi tạo lập thông tin điện tử nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước.		
3	Chi giải thưởng				
a	Giải nhất				
-	Tập thể	Giải thưởng	10,000,000	8,000,000	6,000,000
-	Cá nhân	Giải thưởng	6,000,000	4,500,000	3,500,000
b	Giải nhì				
-	Tập thể	Giải thưởng	7,000,000	5,500,000	4,000,000
-	Cá nhân	Giải thưởng	3,000,000	2,400,000	1,800,000
c	Giải ba				

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (Đồng)		
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
-	Tập thể	Giải thưởng	5,000,000	4,000,000	3,000,000
-	Cá nhân	Giải thưởng	2,000,000	1,500,000	1,000,000
d	Giải khuyến khích				
-	Tập thể	Giải thưởng	3,000,000	2,400,000	1,800,000
-	Cá nhân	Giải thưởng	1,000,000	800,000	600,000
đ	Giải phụ khác	Giải thưởng	500,000	400,000	300,000
VII	Chi hỗ trợ hoạt động truyền thông, phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật trên đài phát thanh xã, phường, thị trấn, loa truyền thanh cơ sở (Tính theo trang chuẩn 350 từ)				
1	Biên soạn, biên tập tài liệu phát thanh	Trang			75,000
2	Bồi dưỡng phát thanh				
2.1	Phát thanh bằng tiếng Việt	Lần			15,000
2.2	Phát thanh bằng tiếng dân tộc	Lần			20,000
VIII	Chi phục vụ trực tiếp việc xây dựng, quản lý và khai thác tủ sách pháp luật				
1	Chi hoạt động xây dựng, quản lý, khai thác tủ sách pháp luật hàng năm:	Từ/năm	Mức chi thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Quyết định số 14/2019/QĐ-TTg ngày 13/3/2019 của Thủ tướng Chính phủ.		
2	Rà soát, bổ sung, cập nhật sách định kỳ 06 tháng/lần	Lần			100,000
3	Bồi dưỡng cán bộ tham gia luân chuyển sách	Lần/người			50,000
IX	Chi thực hiện thống kê, rà soát, viết báo cáo đánh giá công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, Chương trình, Đề án, Kế hoạch, đánh giá thực hiện chuẩn tiếp cận pháp luật				
1	Thu thập thông tin, xử lý số liệu báo cáo của các ngành, địa phương	Báo cáo			50,000

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (Đồng)		
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
2	Rà soát văn bản, tài liệu phục vụ hệ thống hóa, kiến nghị xây dựng thể chế, thực hiện chương trình, đề án	Văn bản	50,000		
3	Viết báo cáo				
3.1	Báo cáo định kỳ hàng năm của các ngành, địa phương	Báo cáo	3,000,000	2,400,000	1,800,000
3.2	Báo cáo chuyên đề	Báo cáo	3,000,000	2,400,000	1,800,000
3.3	Báo cáo đột xuất	Báo cáo	1,000,000	800,000	600,000
X	Chi khen thưởng xã, phường, thị trấn; huyện, thành phố				
1	Khen thưởng xã, phường, thị trấn; huyện, thành phố được UBND cấp tỉnh công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật	Tương đương tập thể lao động xuất sắc			Mức chi thực hiện theo quy định tại điểm a, khoản 2 Điều 69 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/07/2017 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng.
2	Khen thưởng xã, phường, thị trấn; huyện, thành phố được UBND cấp tỉnh tặng Bằng khen tiêu biểu về tiếp cận pháp luật cấp tỉnh.	Bằng khen			Mức chi thực hiện theo quy định tại điểm a, khoản 2 Điều 73 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/07/2017 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng.

CHỦ TỊCH

Hoàng Văn Chất